

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 55/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm
giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 04

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng của các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Xét Tờ trình số 131/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1158/BC-KTNS ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh từ 11% trở lên; chuyển mạnh mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics. Phát triển đột phá khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; duy trì Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Phát triển giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; giữ vững thành tích giáo dục mũi nhọn, thể thao thành tích cao trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm về dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực Bắc Trung Bộ, từng bước trở thành trung tâm công nghệ cao về y học và dược học. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội. Cải thiện rõ nét đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030 Thanh Hóa trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước, một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc; sau năm 2030, đạt tiêu chuẩn trình độ phát triển của đô thị loại I, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

Các chỉ tiêu chủ yếu theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ giao cho tỉnh Thanh Hóa và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

2.1. Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 11% trở lên; trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng khoảng 3% trở lên; công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 14% trở lên; dịch vụ tăng khoảng 9% trở lên; thuế sản phẩm tăng khoảng 6% trở lên.

(2) GRDP bình quân đầu người năm 2030 đạt 7.900 USD trở lên.

(3) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 30%.

(4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP năm 2030 đạt 36% trở lên.

(5) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 840 nghìn tỉ đồng trở lên; trong đó, tỉ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GRDP bình quân hằng năm đạt 31,6%.

(6) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm đạt 8,1% trở lên.

(7) Tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt 50% trở lên.

(8) Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 33%; thuế sản phẩm chiếm 5%.

(9) Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 90 triệu đồng trở lên.

(10) Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 5,2 lần.

(11) Trị giá hàng hóa xuất khẩu năm 2030 đạt 15 tỉ USD trở lên.

(12) Số doanh nghiệp thành lập mới 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 15.000 doanh nghiệp trở lên.

(13) Tổng sản lượng lương thực bình quân hằng năm ổn định ở mức 1,5 triệu tấn.

(14) Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm đạt 7% trở lên.

(15) Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2030 tăng thêm 50.000 ha trở lên; trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao đạt 10.000 ha trở lên.

(16) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế năm 2030 đạt 55% trở lên.

(17) Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới trong 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 đạt 7.500 căn hộ trở lên.

(18) Đến năm 2030, toàn tỉnh có ít nhất 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

(19) Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) bình quân hằng năm đạt 15% trở lên.

(20) Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 2.580 USD trở lên.

(21) Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 11,5% trở lên.

(22) Tăng trưởng bình quân giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt 16,4% trở lên.

(23) Tăng trưởng bình quân giá trị kim ngạch nhập khẩu đạt 15,9% trở lên.

(24) Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa đạt 7% trở lên.

(25) Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ đến năm 2030 đạt 1,6 triệu lượt trở lên.

(26) Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo/tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 đạt 40% trở lên.

(27) Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân đạt 11,2%.

(28) Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030 đạt 40 nghìn doanh nghiệp trở lên.

2.2. Về văn hóa - xã hội

(29) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giai đoạn 2026 - 2030 giảm bình quân hằng năm từ 1% trở lên.

(30) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80% trở lên; trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên.

(31) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm 2030 dưới 20%.

(32) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030 đạt 95% trở lên.

(33) Đến năm 2030 đạt chỉ tiêu 19 bác sỹ trên 1 vạn dân.

(34) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030 đạt 88,5% trở lên.

(35) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao năm 2030 đạt 59,5% trở lên.

(36) Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đến năm 2030 đạt 75,74 tuổi trở lên.

(37) Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030 đạt 80% trở lên.

(38) Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM đến năm 2030 đạt 40% trở lên.

(39) Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030 đạt 50% trở lên.

(40) Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm đạt 100%.

(41) Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt 0,77 trở lên.

2.3. Về môi trường

(42) Tỷ lệ che phủ rừng năm 2030 đạt 54,5% trở lên.

(43) Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh năm 2030 đạt 99,5%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế đạt 75%.

(44) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đến năm 2030 đạt 95%.

(45) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2030 đạt 100%.

(46) Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đến năm 2030 đạt 30%.

(47) Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đến năm 2030 đạt 100%.

(48) Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030 đạt 65% - 70%.



2.4. Về quốc phòng, an ninh

(49) Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hằng năm đạt 80% trở lên; phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 50% xã, phường không ma túy.

(50) 100% số xã, phường có lực lượng dân quân thường trực; xây dựng mới 3 - 4 đường hầm trong khu vực phòng thủ tỉnh.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

3. Nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu trong giai đoạn 2026 - 2030

3.1. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tập trung quán triệt, triển khai thực hiện quyết liệt, sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030; tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, các nghị quyết, kết luận của Trung ương mới ban hành, đặc biệt là những chủ trương, nghị quyết có tính đột phá, chiến lược.

(2) Nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” theo Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá dựa trên các tiêu chí kết quả thực hiện, đảm bảo các chủ trương, nghị quyết, kết luận sớm đi vào cuộc sống, đạt được mục tiêu đề ra. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

(3) Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng, nhất là các động lực tăng trưởng mới. Tiếp tục triển khai thực hiện sáng tạo, hiệu quả các giải pháp nâng cao tốc độ tăng trưởng. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển 05 trung tâm kinh tế động lực *((1) Trung tâm kinh tế động lực tại phía Nam (Khu Kinh tế Nghi Sơn, là cực tăng trưởng cấp vùng thuộc Vùng động lực Bắc Trung Bộ); (2) Trung tâm động lực tại trung tâm tỉnh (Khu vực Đô thị Thanh Hóa và phụ cận, là cực tăng trưởng trung tâm tỉnh và cấp vùng thuộc Vùng động lực Bắc Trung Bộ); (3) Trung tâm động lực tại phía Đông (Khu vực phát triển đô thị dịch vụ, du lịch biển với trung tâm là Khu du lịch Sầm Sơn - Hải Tiến, là cực tăng trưởng vệ tinh thuộc Vùng động lực Bắc Trung Bộ); (4) Trung tâm động lực tại phía Bắc (Khu vực Bỉm Sơn - Thạch Quảng và phụ cận, là cực tăng trưởng vệ tinh thuộc Vùng động lực Bắc Trung Bộ); (5) Trung tâm động lực tại phía Tây (Khu vực Lam Sơn - Sao Vàng và phụ cận, là cực tăng trưởng*



đổi trọng cân bằng phát triển khu vực phía Tây với vùng ven biển) và 05 trụ cột phát triển (Công nghiệp chế biến, chế tạo - Nông nghiệp - Du lịch - Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số - Logistics và dịch vụ cảng biển) theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo sức lan tỏa thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực, các vùng, khu vực và cả tỉnh.

(4) Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, lành mạnh, minh bạch, bình đẳng để khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế. Bố trí, sử dụng hợp lý và nâng cao hiệu quả đầu tư công để phát huy vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn đầu tư xã hội, tạo động lực cho phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đóng vai trò động lực lan tỏa cho toàn vùng Bắc Trung Bộ theo định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(5) Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đặc biệt tại Khu kinh tế Nghi Sơn với trọng tâm là hạ tầng các khu công nghiệp và hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn; nghiên cứu, quy hoạch Đảo Mê kết hợp quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội; triển khai thực hiện các dự án điện khí (LNG); xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn; tạo thuận lợi, ưu tiên thu hút các dự án hóa dầu, tổng kho xăng dầu, các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp mới nổi, dịch vụ logistics, đưa Thanh Hóa thành Trung tâm năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics, kết hợp với Nghệ An hình thành chuỗi đô thị - công nghiệp - dịch vụ - logistics (Thanh Hóa - Nghi Sơn - Đông Hồi - Cửa Lò - Vinh) theo định hướng của Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ.

(6) Lồng ghép, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, dân tộc; Chương trình phát triển văn hóa; Chương trình phòng, chống ma túy; Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; Chương trình chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển) nhằm phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi, giữa kinh tế với văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì sự phát triển của tỉnh; đội ngũ chuyên gia giỏi, lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành kinh tế trọng tâm, trọng điểm của tỉnh.

(7) Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, Nhân dân quan tâm (thừa, thiếu giáo viên; nghiện hút ma túy; khám chữa bệnh; môi trường; nợ đọng BHXH, BHYT, BHTN; nhà ở cho công nhân, người nghèo...); thực hiện có hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội; quản lý, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh; quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, hợp lý tài

nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, tránh lũ quét, sạt lở đất ở khu vực miền núi, tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu.

(8) Củng cố, kiện toàn, xây dựng lực lượng vũ trang, dự bị động viên, dân quân tự vệ đảm bảo về số lượng và chất lượng, phù hợp với mô hình tổ chức mới; tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh đấu tranh trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội; giải quyết kịp thời, hiệu quả các vụ việc phức tạp ngay tại cơ sở, tạo môi trường an toàn, lành mạnh, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ cuộc sống bình yên cho Nhân dân.

3.2. Giải pháp chủ yếu

(1) Về xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng hằng năm

Theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình tăng trưởng hằng năm của tỉnh; căn cứ tình hình thực tế để xây dựng kịch bản tăng trưởng hằng năm, phù hợp với mục tiêu của tỉnh và đảm bảo khả thi. Trên cơ sở kết quả tăng trưởng được công bố hằng quý, trường hợp không đạt kịch bản đề ra thì khẩn trương rà soát, cập nhật kịch bản; trong đó, cần nhận diện đầy đủ các điểm nghẽn, tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến tăng trưởng; xác định rõ động lực và dư địa tăng trưởng của tỉnh cần tập trung chỉ đạo; từ đó điều chỉnh các giải pháp đột phá, khả thi để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm của tỉnh.

(2) Về công tác quy hoạch

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội và phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và các quy hoạch ngành cấp quốc gia. Khẩn trương rà soát, trình cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa, Quy hoạch chung KKT Nghi Sơn, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn tại các xã, phường theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, nhằm mở rộng không gian và huy động tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm.

(3) Về phát triển các ngành kinh tế

a) Về phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; tiếp tục tích tụ đất đai để phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, tập trung vào các sản phẩm chủ lực tỉnh có lợi thế, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị.

- Khẩn trương xây dựng, phấn đấu hoàn thành hệ thống bản đồ nông hóa, thổ nhưỡng toàn tỉnh trong năm 2026. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai để

phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; nhân rộng các mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ. Duy trì và nâng cao hiệu quả các vùng nguyên liệu gắn với chế biến đã có thị trường tiêu thụ ổn định; phát triển các loại cây ăn quả có lợi thế; tăng cường vận động, thu hút các dự án chế biến sâu gắn với quy hoạch, phát triển các vùng chuyên canh các cây trồng chủ lực tỉnh có lợi thế.

- Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn môi trường đối với các vật nuôi và sản phẩm chủ lực là: thịt gia cầm, thịt trâu, bò, sữa bò và các sản phẩm từ sữa. Quản lý chặt chẽ các dự án chăn nuôi lợn hiện có, yêu cầu khắc phục khẩn trương các cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định; chỉ chấp thuận các dự án mới trong chăn nuôi lợn khi đáp ứng được yêu cầu về môi trường và gắn với chế biến sâu. Chú trọng phát triển các mô hình chăn nuôi con đặc sản, chăn nuôi nông hộ theo hướng hữu cơ, hiệu quả, an toàn, bền vững, nhất là ở khu vực miền núi.

- Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch và kinh doanh tín chỉ các-bon rừng; đẩy mạnh trồng rừng sản xuất theo mô hình trồng cây gỗ lớn và trồng rừng phòng hộ; quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững rừng đặc dụng, phát triển cây dược liệu, cây dưới tán rừng. Tăng cường chế biến sâu các sản phẩm lâm nghiệp, phát triển vùng nguyên liệu gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC); có cơ chế, chính sách để cùng nhà đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu tre, luồng ở các xã miền núi, đáp ứng nhu cầu sản xuất của các nhà máy chế biến tre luồng trên địa bàn các xã thuộc huyện Lang Chánh và Bá Thước (trước khi sắp xếp); xây dựng, nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm “tre luồng xứ Thanh” và “quế Thanh”.

- Phát triển thủy sản trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao, hướng mạnh đến xuất khẩu; tổ chức lại sản xuất ngành thủy sản ở tất cả các lĩnh vực: khai thác, nuôi trồng, dịch vụ hậu cần, chế biến thủy sản theo chuỗi giá trị và phát triển bền vững; đầu tư cải tạo, nâng cấp, nạo vét luồng vào để nâng cao hiệu quả các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tàu thuyền; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thủy sản với bảo vệ chủ quyền quốc gia và quốc phòng - an ninh trên các vùng biển; thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp chống khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)...

- Đổi mới tư duy, hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm OCOP theo hướng thực chất, hiệu quả, có chất lượng ổn định, khối lượng hàng hóa lớn, có uy tín, thương hiệu mạnh để vươn tới các thị trường lớn trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế hợp tác để tăng cường liên doanh, liên kết, khắc phục tình trạng nhỏ lẻ, manh mún trong sản xuất nông nghiệp.

b) Về phát triển công nghiệp - xây dựng

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để phát triển công nghiệp theo chiều sâu, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị tăng thêm và năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo để

sớm trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo, làm nền tảng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, hiện đại. Phối hợp, thúc đẩy liên kết giữa các địa phương để xây dựng khu vực ven biển Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh trở thành trung tâm phát triển công nghiệp của vùng và cả nước, trở thành vùng động lực quốc gia theo định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ.

- Rà soát, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, trước mắt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn (Tổ hợp hóa chất Đức Giang; nhà máy luyện cán thép DST Nghi Sơn; nhà máy sản xuất vải Billion Union Việt Nam; nhà máy xi măng Đại Dương 2...), góp phần tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh. Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất và nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh như: Công nghiệp hóa dầu, hóa chất và chế biến sản phẩm từ hóa dầu; công nghiệp sản xuất, cung ứng điện; công nghiệp cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng... Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thủ tục đầu tư dự án điện khí LNG Nghi Sơn; hỗ trợ, tạo điều kiện để Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm; xúc tiến nhanh việc triển khai giai đoạn 2 Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

- Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp mới nổi, các ngành công nghiệp có hàm lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, công nghệ cao (công nghiệp chip bán dẫn; công nghiệp robot; trí tuệ nhân tạo; vật liệu mới, vật liệu phục vụ công nghiệp cơ khí chế tạo; công nghiệp sinh học; công nghiệp công nghệ số; công nghiệp ô tô; công nghiệp dược phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp...), tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động (dệt may, da giày...); từ năm 2026, hạn chế, tiến tới dừng thu hút đầu tư mới các dự án may mặc, da giày tại khu vực đồng bằng và ven biển; khuyến khích thu hút đầu tư các dự án sử dụng nhiều lao động vào khu vực trung du, miền núi. Phát triển tiểu thủ công nghiệp gắn với khôi phục các nghề truyền thống, nhân cấy nghề mới đối với những sản phẩm có thị trường tiêu thụ tốt để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở theo hướng đô thị xanh, thông minh. Tiếp tục đổi mới dây chuyền công nghệ các dự án sản xuất vật liệu xây dựng; tập trung phát triển các loại vật liệu xây dựng mới, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng nhu cầu thị trường; khẩn trương thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu san lấp, đắp nền, cát xây dựng; tập trung triển khai các dự án phát triển cát nhân tạo để bù đắp và giảm khai thác cát tự nhiên... Tăng cường quản lý thị trường bất động sản, đảm bảo phát triển lành mạnh, đúng định hướng. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội; xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ xây



dựng nhà ở cho đối tượng có thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp, tạo điều kiện để người có thu nhập thấp có nhà ở an toàn, ổn định.

c) Về phát triển dịch vụ

- Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng kinh tế số, công nghệ hiện đại và đẩy mạnh xã hội hóa, ưu tiên thu hút phát triển du lịch, dịch vụ logistics, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ số, dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại điện tử, dịch vụ bất động sản... với chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trong khu vực và cả nước.

- Tập trung phát triển 03 loại hình du lịch chính, gồm: du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử; đồng thời, phát triển thêm các sản phẩm du lịch bổ trợ, các sản phẩm dịch vụ du lịch kết hợp như du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe, du lịch khám phá biển đảo, hội nghị, hội thảo, sân golf... để khắc phục tính mùa vụ của du lịch. Tiếp tục thu hút các dự án đầu tư kinh doanh dịch vụ du lịch có quy mô lớn, dịch vụ mới lạ, hấp dẫn; phấn đấu đến năm 2030, Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước.

- Phát triển logistics và dịch vụ cảng trở thành trụ cột phát triển mới của nền kinh tế, gắn với phát triển vận tải đa phương thức, nhất là kết nối vận tải đường bộ - đường biển nhằm đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hóa qua Cảng biển Nghi Sơn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, tạo thuận lợi để thu hút đầu tư xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I và các tổng kho dự trữ dầu thô, kho khí LNG tại Khu kinh tế Nghi Sơn; kêu gọi, thu hút đầu tư trung tâm logistics cấp tỉnh tại khu vực phía Tây đô thị Thanh Hóa và trung tâm logistics tại khu công nghiệp Lam Sơn - Sao Vàng.

- Phát triển đồng bộ, hợp lý và tăng cường kết nối giữa các loại hình vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Tiếp tục mở mới các đường bay đi - đến Cảng hàng không Thọ Xuân, trong đó có đường bay quốc tế. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đa dạng các sản phẩm và tiện ích theo chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh áp dụng các hình thức, phương tiện thanh toán, nhất là ứng dụng thanh toán điện tử, thanh toán trực tuyến.

- Tổ chức tốt các kênh phân phối hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng; quan tâm phát triển thương mại điện tử gắn với tăng cường quản lý nhà nước. Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại hài hòa, đồng bộ giữa thương mại hiện đại và truyền thống, giữa thị trường đô thị và nông thôn; trong đó: Tập trung phát triển các trung tâm thương mại, đại siêu thị, siêu thị, kho bảo quản, chợ đầu mối tại các khu vực đô thị lớn, trung tâm vùng, miền, Khu kinh tế Nghi Sơn, để tạo hạt nhân phát triển thương mại dịch vụ; phát triển mạnh loại hình siêu thị kết hợp chợ truyền thống và cửa hàng bán lẻ tại khu vực các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, xã trung tâm, cụm xã; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ tại khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế; tiếp tục củng cố, nâng cao thị phần các thị trường truyền thống, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu; kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ, mặt hàng thiết yếu, trong nước chưa sản xuất được, lựa chọn các nguồn hàng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

(4) Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đô thị và xây dựng nông thôn mới; phát triển bền vững, hài hòa giữa các vùng, miền

- Tập trung đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ ven biển đoạn qua Thanh Hóa, các tuyến đường kết nối với các nút giao cao tốc Bắc - Nam và các dự án giao thông lớn, trọng điểm còn dở dang để sớm đưa vào sử dụng; đầu tư mới các tuyến đường kết nối liên xã, liên vùng, kết nối với các tỉnh khu vực Tây Bắc, nước CHDCND Lào, kết nối với tuyến đường sắt tốc độ cao qua địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng hệ thống cầu dân sinh ở khu vực miền núi. Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Thọ Xuân, phấn đấu đến năm 2030 trở thành cảng hàng không quốc tế. Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp, cảng container, cảng chuyên dùng và nạo vét luồng tàu vào cảng để sớm hoàn chỉnh hệ thống Cảng biển Nghi Sơn và các cảng biển Lạch Sung, Quảng Châu, Quảng Nham - Hải Châu theo quy hoạch. Lập quy hoạch Đảo Mê theo hướng kết hợp quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu, hạ tầng khu công nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (KCN Lam Sơn - Sao Vàng, KCN Phú Quý, KCN phía Tây thành phố Thanh Hóa, KCN Giang Quang Thịnh, các KCN trong Khu Kinh tế Nghi Sơn như: KCN Đồng Vàng, KCN Luyện Kim, KCN số 3...), cụm công nghiệp đang triển khai (CCN Đông Vãn; CCN Xuân Hòa; CCN Thượng Ninh; CCN Điền Trung; CCN Xuân Lai; CCN phía Đông Bắc thành phố Thanh Hóa; CCN Tư Sy; CCN Cẩm Sơn; CCN số 2 Vạn Hà; CCN Thọ Minh...); tiếp tục xúc tiến, thu hút các nhà đầu tư có năng lực, uy tín, kinh nghiệm để đầu tư và kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới theo quy hoạch (KCN Bắc Hoàng Hóa; KCN Tượng Lĩnh, Nông Công; KCN Hà Long; KCN Lưu Bình, huyện Quảng Xương...; các KCN trong KKT Nghi Sơn như: KCN dược phẩm công nghệ cao Việt Nam - Ấn Độ, KCN số 17...). Phấn đấu đến năm 2030 lấp đầy các khu công nghiệp đang thực hiện đầu tư; có ít nhất 30 cụm công nghiệp đi vào hoạt động và đạt tỉ lệ lấp đầy 70% diện tích trở lên.

- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối, đảm bảo an toàn hồ, đập. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng du lịch. Phát triển hạ tầng năng lượng theo định hướng tại Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị, đặc biệt là hệ thống hạ tầng điện, bảo đảm nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu tiêu thụ điện; tập trung kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án nguồn điện đã được quy hoạch, trọng tâm là các dự án: Nhiệt điện LNG Nghi Sơn, Điện gió Bắc Phương - Nghi Sơn... Tập trung xây dựng, phát triển hạ tầng khoa học -

công nghệ và hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; quan tâm đầu tư hạ tầng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp; đầu tư, nâng cấp Trung tâm dữ liệu và điều hành an toàn thông tin mạng; xây dựng, phát triển hạ tầng dữ liệu, trung tâm dữ liệu đa mục tiêu, kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (Big Data) theo định hướng của Quy hoạch tỉnh. Tích hợp hạ tầng số với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng kinh tế - xã hội trong quá trình đầu tư phát triển; phát huy vai trò của dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, dự báo, hoạch định chính sách và phát triển kinh tế - xã hội. Hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng viễn thông di động mặt đất 4G/5G, mạng Internet băng rộng cố định, có khả năng truy nhập tốc độ cao, phổ cập được tới tất cả các thôn, bản trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung đầu tư xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và trung học cơ sở tại các xã biên giới; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn; ưu tiên đầu tư xây dựng các trường nội trú và nơi ở cho giáo viên vùng miền núi, dân tộc. Đẩy mạnh xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh; tập trung huy động nguồn lực để đầu tư bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh đầu tư hiện đại hóa các bệnh viện công lập, quan tâm phát triển bệnh viện đạt cấp chuyên sâu kỹ thuật cao, bệnh viện khu vực miền núi, biên giới, cơ sở trợ giúp xã hội; nâng cao năng lực y tế dự phòng, giám định pháp y, an toàn thực phẩm; đầu tư, chuẩn hóa cơ sở vật chất và trang thiết bị cho trạm y tế cấp xã, đáp ứng yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ.

- Phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh, hiện đại, bền vững, giàu bản sắc xứ Thanh; kết hợp hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết các khu đô thị cũ với phát triển các đô thị mới; xây dựng kế hoạch, phương án để chủ động phòng tránh, giải quyết từ sớm những vấn đề bức xúc của đô thị như: ngập lụt, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường do rác thải, nước thải... Đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng các đô thị động lực của tỉnh.

- Tiến hành rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn NTM đối với các xã mới thành lập. Tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn, huy động các nguồn lực để tập trung thực hiện xây dựng NTM; xây dựng thôn, bản NTM ở những nơi đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động hiến đất để đầu tư cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang kết cấu hạ tầng, trọng tâm là đường giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại và các phong trào thi đua, các mô hình hay, hiệu quả trong xây dựng NTM.

- Phát triển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm 3 vùng kinh tế - xã hội, đảm bảo phát huy cao nhất vai trò, tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển giữa khu vực miền núi với vùng đồng bằng, ven biển. Đối với vùng miền núi, tập trung phát triển nông, lâm nghiệp bền vững, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với giữ dân, giữ đất, giữ rừng, bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, quốc phòng an ninh. Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và trung du, gắn với phát huy vai trò của các trung tâm kinh tế động lực của tỉnh; ưu tiên phát triển công nghiệp, nông nghiệp

sạch, công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, du lịch văn hóa, dịch vụ chất lượng cao. Phát triển đột phá và bền vững vùng ven biển và hải đảo với động lực chính là Khu kinh tế Nghi Sơn, khu vực Sầm Sơn; đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, trọng tâm là khai thác, nuôi trồng thủy sản trên biển, du lịch biển, đảo, vận tải biển, dịch vụ cảng biển, các ngành công nghiệp gắn với biển như: lọc hoá dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, năng lượng tái tạo, chế biến thủy sản.

(5) Về thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống và các động lực tăng trưởng mới; tập trung phát triển kinh tế tư nhân.

- Triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách của tỉnh cho phù hợp với quy định của Trung ương và tình hình thực tế, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, khả thi, dễ thực hiện, có tính đột phá, tạo khung pháp lý công bằng, minh bạch, thuận lợi để huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh và bền vững; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, kiểm tra. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố được Quốc hội ban hành cơ chế, chính sách tương đồng như tỉnh Thanh Hóa để triển khai đúng trình tự, thủ tục, phát huy hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù mới, mang tính đột phá cao để phát triển tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn tới.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò các động lực tăng trưởng truyền thống (bao gồm: đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng), nhất là đầu tư; xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm đảm bảo bố trí vốn tập trung, không phân tán dàn trải, không để thất thoát, lãng phí vốn, phù hợp với quy định tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ (giảm tối thiểu 30% số lượng dự án so với giai đoạn 2021 - 2025); rà soát, đánh giá các dự án đầu tư công dở dang để tiếp tục đầu tư hoàn thành đối với các dự án thực sự cần thiết, tránh lãng phí; ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA, vốn xây dựng các khu tái định cư, các dự án chuyển tiếp để rút ngắn thời gian đầu tư, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng để phát huy hiệu quả; lựa chọn, ưu tiên bố trí vốn đầu tư thực hiện một số công trình, dự án quan trọng, thực sự hiệu quả, có tính đột phá, có tác động lan tỏa lớn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng và cả tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác thiết kế, đấu thầu, lựa chọn đơn vị thi công đủ năng lực, điều kiện và trách nhiệm thực hiện dự án; thường xuyên đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.



- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị về Phương án tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án, đất đai; Nghị quyết số 29/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị định số 147/2026/NĐ-CP của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án tồn đọng, kéo dài; các kết luận, kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh về khắc phục tồn tại, hạn chế, giải quyết những dự án tồn đọng kéo dài có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí trên địa bàn tỉnh, bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cấp, từng ngành, người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, không để phát sinh thêm dự án tồn đọng, kéo dài mới; tăng cường kiểm tra, giám sát và kịp thời cập nhật dữ liệu trên Hệ thống 751 để được hướng dẫn xử lý, giải quyết theo quy định, tạo điều kiện để huy động và giải phóng nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp kích cầu, ổn định giá cả, bảo vệ người tiêu dùng, khuyến khích tiêu dùng xanh, tiêu dùng có trách nhiệm, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các sản phẩm chế biến sâu, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô, sản phẩm sơ chế; tiếp tục củng cố, nâng cao thị phần các thị trường truyền thống, tìm kiếm thêm các thị trường xuất khẩu mới; hỗ trợ, tạo thuận lợi để doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử, liên kết với các doanh nghiệp quốc tế để tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, chống thất thu, khai thác các nguồn thu mới, các nguồn thu còn dư địa; quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để bố trí cho đầu tư phát triển. Rà soát, triển khai đồng bộ việc quản lý, sử dụng, chuyển giao trụ sở làm việc sau tinh gọn tổ chức bộ máy, tận dụng tối đa công năng sử dụng của các trụ sở làm việc hiện có, hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới; đẩy nhanh tiến độ thực hiện xử lý tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng trên địa bàn tỉnh, ưu tiên bố trí, chuyển đổi trụ sở dôi dư thành cơ sở phúc lợi công cộng, khám, chữa bệnh, trường học; nghiên cứu, có cơ chế cho thuê, chuyển nhượng tài sản, trụ sở, nhà đất..., bảo đảm tài sản dôi dư được sử dụng hiệu quả. Tăng cường vận động, thu hút các nguồn vốn ODA, vốn của các tổ chức phi chính phủ, vốn đầu tư theo phương thức PPP... để đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng và các tổ chức tín dụng; đẩy mạnh việc xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, sở hữu chéo; nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống; phát triển lành mạnh và đa dạng hóa các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn. Thực hiện rà

soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 và Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ (cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024 và phần đầu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết); đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến; chuẩn hóa, số hóa toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, rút ngắn tối đa thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Khắc phục các hạn chế, yếu kém để nâng cao thứ hạng các chỉ số phản ánh môi trường đầu tư kinh doanh (PAPI, Par Index, SIPAS, PCI...). Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành các dự án đang triển khai, nhất là các dự án lớn, trọng điểm. Đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường.

- Tập trung phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị; vận động, khơi dậy tinh thần kinh doanh, khởi nghiệp của mọi người dân, doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho các thành phần kinh tế tư nhân tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế, nhất là vốn, đất đai, nhân lực, công nghệ; khuyến khích, tạo điều kiện thúc đẩy hình thành một số tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và quốc tế. Tăng cường sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông lâm nghiệp để phát huy hiệu quả nguồn vốn, đất đai, tài sản nhà nước theo định hướng tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị.

(6) Về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Chuyển đổi, xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm nền tảng, trụ cột phát triển mới của nền kinh tế. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các Quyết định, Kế hoạch, Đề án của Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các công nghệ mới trong các ngành, lĩnh vực, trước hết là trong sản xuất, kinh doanh, y tế, giáo dục, môi trường, quản lý nhà nước và xã hội. Nghiên cứu quy hoạch, xây dựng Khu kinh tế số và đổi mới sáng tạo theo quy định, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, công nghệ số, cơ sở dữ liệu lớn; chú trọng đào tạo, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao; hỗ trợ

doanh nghiệp đổi mới công nghệ, tự động hóa, nâng cao năng lực quản trị và tham gia chuỗi giá trị trong nước, quốc tế; sớm nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện khu công nghệ cao, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; phấn đấu Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) và Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) hàng năm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập; xây dựng, phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Hồng Đức và Trung tâm đào tạo và chuyển giao công nghệ nông nghiệp tại Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, làm hạt nhân kết nối, dẫn dắt hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của khu vực; nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học - công nghệ. Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ.

- Thúc đẩy nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông, tập trung vào các công nghệ điện toán đám mây, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, thực tế ảo, cùng với xây dựng và hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu lớn để làm nòng cốt thúc đẩy chuyển đổi số, chính quyền số; xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế số, kinh tế chia sẻ, xã hội số, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trên các ngành, lĩnh vực.

(7) Về phát triển giáo dục và đào tạo

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp triển khai Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động số 03-CTr/TU ngày 04/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Tập trung đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục theo hướng chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực, phẩm chất, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; chú trọng giáo dục tư tưởng, truyền thống, đạo đức, giáo dục hướng nghiệp, kỹ năng mềm; tăng thời lượng các môn khoa học, công nghệ, tin học, nghệ thuật cho học sinh; đẩy mạnh chuyển đổi số trong dạy và học. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là khu vực miền núi, dân tộc và các nhóm đối tượng yếu thế. Duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm dẫn đầu cả nước. Chú trọng công tác định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh ngay từ bậc học phổ thông.

- Tiến hành rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường học phù hợp với sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở; hình thành và phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập; triển khai xây dựng một số mô hình chuyển đổi số trong trường học để rút kinh nghiệm, nhân ra diện rộng.

- Đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục và quản trị cơ sở giáo dục trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền

gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả. Tập trung khắc phục triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên ở các cấp học; nghiên cứu xây dựng cơ chế thu hút sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc ở các trường đại học sư phạm hàng đầu về dạy học tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ sở giáo dục tư nhân hoạt động hiệu quả.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị tốt nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số. Triển khai hiệu quả Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035. Thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học và nhân lực công nghệ số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân để xây dựng xã hội số bao trùm, toàn diện. Nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp; sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đạt chuẩn; khuyến khích xây dựng các cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu vực phát triển của tỉnh.

(8) Về phát triển văn hóa, thể thao

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Thanh Hóa trong thời kỳ mới. Tăng cường quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; xây dựng lộ trình, từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, đáp ứng yêu cầu phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân. Từng bước hình thành và phát triển ngành công nghiệp văn hóa theo hướng hiệu quả, bền vững.

- Đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể dục, thể thao quần chúng để nâng cao sức khỏe, tuổi thọ, phòng tránh bệnh tật cho Nhân dân và phát triển thể lực, tầm vóc, lành mạnh hóa lối sống cho thanh thiếu niên. Tập trung phát triển lực lượng vận động viên ở các môn thể thao trong chương trình Đại hội thể thao toàn quốc, Đại hội thể thao Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Châu Á, Đại hội thể thao thế giới Olympic, phấn đấu giữ vững vị trí nhóm đầu về thể dục, thể thao của cả nước. Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, kinh doanh, tổ chức dịch vụ thể dục, thể thao, hình thành và phát triển kinh tế thể thao, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế của tỉnh.

(9) Về phát triển y tế

- Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân và Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 04/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW. Phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu; tăng cường tiếp nhận việc chuyển giao, hỗ trợ kỹ thuật từ các bệnh viện trung ương,



đồng thời hỗ trợ chuyên môn cho y tế cơ sở; thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm phát triển y học công nghệ cao, chuyên sâu. Xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án phát triển ngành Y tế giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các bệnh viện công lập. Đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ y tế, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế; ưu tiên thu hút đầu tư các dự án bệnh viện tư nhân hiện đại, quy mô lớn; tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh dược phẩm, hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới toàn diện phong cách, tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, phục vụ người bệnh gắn liền với nâng cao năng lực quản trị, năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế; vận dụng linh hoạt, sáng tạo cơ chế, chính sách để thu hút nguồn nhân lực y tế trình độ cao vào làm việc trên địa bàn tỉnh; chú trọng đào tạo nhân lực địa phương cho các cơ sở y tế ở miền núi, đào tạo chuyển giao kỹ thuật kết hợp liên kết đào tạo với các bệnh viện của tỉnh, của Trung ương để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho cán bộ y tế trong tỉnh. Tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển hệ thống lão khoa, dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Khuyến khích xã hội hóa công tác trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em (nhất là đối với người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt), cứu trợ đột xuất khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh.

(10) Về giải quyết việc làm, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Nâng cao chất lượng dự báo, kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ người lao động tìm kiếm việc làm; thúc đẩy tìm kiếm, mở rộng thị trường lao động ngoài nước. Khuyến khích liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ sở dạy nghề để đào tạo nghề, gắn với tuyển dụng lao động. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; khắc phục tình trạng chậm đóng, nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN trong các doanh nghiệp. Phát triển bền vững BHYT toàn dân, phấn đấu tỉ lệ dân số tham gia BHYT năm 2030 đạt 95% trở lên.

- Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo, phấn đấu mức giảm tỉ lệ hộ nghèo bình quân 1% trở lên. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công; hỗ trợ những người yếu thế khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập cộng đồng. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp trong thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, góp phần củng cố, tăng cường tinh thần đoàn kết, tương trợ phát triển và giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

(11) Về quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu

- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai; rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án có sử dụng đất chậm tiến độ, vi phạm các quy định của pháp luật; sớm hoàn thành Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên phạm vi toàn tỉnh. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khảo sát, cấp phép, khai thác, tập kết, vận chuyển, chế biến khoáng sản, đảm bảo sử dụng tài nguyên khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật.

- Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường, nhất là tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao, kiên quyết dừng hoạt động đối với các cơ sở sản xuất, chăn nuôi không đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định. Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư. Huy động các nguồn lực đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu dân cư tập trung, các khu, điểm du lịch trọng điểm. Triển khai thực hiện quyết liệt các quy định của pháp luật về phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt trọng điểm, đảm bảo trong năm 2026 đưa vào hoạt động ổn định Nhà máy xử lý rác thải tại xã Đông Nam; năm 2027, đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý rác thải tại xã Quảng Minh (nay là phường Nam Sầm Sơn) và khởi công Khu xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú (nay là xã Sao Vàng).

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Tập trung nâng cấp, hoàn thiện và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu; chủ động triển khai các phương án, biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

(12) Về quốc phòng - an ninh

- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao, làm nòng cốt trong thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng, phòng thủ dân sự. Tập trung nâng cao sức mạnh tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của quân đội, duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, biên giới, nội địa, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ và các hoạt động phát triển kinh tế biển; sẵn sàng tham gia ứng phó hiệu quả với các tình huống an ninh phi truyền thống xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ, nhất là tại các địa bàn trọng điểm. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp xã theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị và Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về xây dựng khu vực phòng thủ.

- Tăng cường bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, kịp thời giải quyết các vụ việc phức tạp, không để hình thành “điểm nóng”; chú trọng bảo đảm an ninh cho các doanh nghiệp, các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Chủ động đấu tranh, trấn áp, điều tra, truy tố, xét xử các loại tội phạm; kiểm chế, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xã, phường không có ma túy. Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống cháy nổ; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, kéo giảm các tai nạn cháy nổ, tai nạn giao thông cả về số vụ, số người bị thương và số người chết. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an Thanh Hóa thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng Công an xã chính quy thực sự là lực lượng nòng cốt, gần dân, sát dân, giải quyết kịp thời các vấn đề an ninh trật tự ngay từ cơ sở.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giải quyết kịp thời, triệt để các vụ việc khiếu kiện đông người, phức tạp, kéo dài. Thực hiện nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước.

(13) Về đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại; nâng cao hiệu quả hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trong khu vực và cả nước

- Triển khai sáng tạo, hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Kế hoạch số 281-KH/TU ngày 19/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW. Tiếp tục tăng cường kết nối và triển khai hiệu quả quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao, thương mại, du lịch nước ngoài; mở rộng hợp tác với các địa phương, đối tác có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư trọng điểm, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai toàn diện, thực chất và hiệu quả các nội dung hợp tác với tỉnh Hủa Phăn (nước CHDCND Lào) và các địa phương đã thiết lập quan hệ hợp tác với tỉnh. Tập trung thúc đẩy hợp tác chuyển giao công nghệ, trao đổi kinh nghiệm quản lý trong các lĩnh vực ưu tiên như: công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, tài chính - ngân hàng, logistics, thương mại, phân phối hàng hóa; tăng cường tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; mở rộng và phát triển bền vững thị trường lao động ngoài nước. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, chủ động quảng bá hình ảnh, tiềm năng, môi trường đầu tư của tỉnh, phục vụ thu hút nguồn lực và hội nhập quốc tế.

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, Hà Nội, Hồ Chí Minh và các địa phương trong cả nước trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, thiết thực, hiệu quả. Tăng cường liên kết nội vùng và liên kết vùng; trong đó, định hướng chuyển từ liên kết hành chính sang liên kết kinh tế - đầu tư - hạ tầng và trao đổi dữ liệu, công nghệ thông tin. Lấy các trung tâm kinh tế động lực làm trọng điểm để tăng cường phối hợp, gắn kết với các địa phương, nhất là trong xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; huy động và phân bổ nguồn lực; xây dựng kết cấu hạ tầng; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo việc

làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.

(14) Về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ

- Tập trung thực hiện hiệu quả Kết luận số 177-KL/TW ngày 11/7/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý; sắp xếp các tổ chức thuộc Sở và tương đương; bố trí, điều động, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, bảo đảm đủ số lượng cán bộ chuyên môn về cơ sở. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực trong thực thi công vụ; khắc phục triệt để tư tưởng trông chờ, ỷ lại, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các khâu trong công tác cán bộ; đổi mới mạnh mẽ công tác đánh giá cán bộ; triển khai xây dựng và áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức; đổi mới công tác bổ nhiệm cán bộ, nghiên cứu thí điểm thực hiện thi tuyển để bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh, cấp xã. Thực hiện cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, gắn với tinh giản biên chế, bảo đảm đúng người, đúng việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UB MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Phong

Phụ lục:

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 VÀ NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 169/NQ-CP NGÀY 27/6/2026 CỦA CHÍNH PHỦ VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH THANH HÓA LẦN THỨ XX, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 55/2026/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc đến năm 2030)	Trong đó: Năm 2026	Ghi chú
I	VỀ KINH TẾ				
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	11,00	11,00	Theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,00	3,50	
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	14,26	14,00	
	- Công nghiệp	%	16,27	16,40	
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	17,43	16,98	
	- Xây dựng	%	8,11	8,22	
1.3	Khu vực dịch vụ	%	9,02	9,00	
	Trong đó:				
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	10,00	9,81	
	- Vận tải, kho bãi	%	12,79	14,65	
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	14,55	13,28	
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	8,06	7,50	
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và Công nghệ	%	6,94	6,80	
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	6,00	10,70	
2	GRDP bình quân đầu người	USD	7.900	3.920	
3	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	30	22	
4	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	36	29,8	
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng	840	168	



Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc đến năm 2030)	Trong đó: Năm 2026	Ghi chú
	<i>Tỉ lệ tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội/GRDP bình quân/năm</i>	%	31,6	43,8	
6	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm	%	8,1	10	
7	Tỉ lệ đô thị hóa	%	50	42	
8	Cơ cấu các ngành kinh tế trong GRDP đến năm 2030	%	100	100	Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
8.1	Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	5	12,2	
8.2	Khu vực công nghiệp - xây dựng	%	57	50,7	
	- Công nghiệp	%	43,4	37,9	
	- Xây dựng	%	13,6	12,8	
8.3	Khu vực dịch vụ	%	33	31,5	
8.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5	5,6	
9	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	90,0	71,5	
10	Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) bình quân/năm	Lần	5,2	5,1	
11	Trị giá hàng hóa xuất khẩu	Tỷ USD	15	8,5	
12	Số doanh nghiệp mới thành lập	Doanh nghiệp	15.000	3.000	
13	Tổng sản lượng lương thực bình quân/năm	Triệu tấn	1,5	1,5	
14	Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân/năm	%	7,0	7,0	
15	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao	Ha	50.000	10.000	
	<i>Trong đó, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao</i>	<i>Ha</i>	<i>10.000</i>	<i>2.000</i>	
16	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế	%	55	Cục Thống kê - Bộ Tài chính tổng hợp hằng năm	
17	Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới	Căn hộ	7.500	900	
18	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	80	6,1	
19	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	15	14	Theo Nghị quyết số
20	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	2.580	1.040	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc đến năm 2030)	Trong đó: Năm 2026	Ghi chú
21	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	11,5	8,1	169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ.
22	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu	%	16,4	16,4	
23	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	15,9	4,8	
24	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	7	3-5	
25	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	1,6	0,94	
26	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo/tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	%	Từ 40% trở lên	25	
27	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	11,2	8,8	
28	Số doanh nghiệp đang hoạt động	Nghìn doanh nghiệp	40	24,5	
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI				
29	Tỉ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới	%	Giảm bình quân 1%	Giảm bình quân 1%	Theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
30	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	80	76	
	<i>Trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	35	31	
31	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	Dưới 20%	27,5	
32	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%			
	- Theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026	%	95	70	
	- Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh	%	95	95	
33	Số bác sỹ/1 vạn dân				
	- Theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026	Bác sỹ	17 - 19	13,5	Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
	- Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh	Bác sỹ	19	13,7	
34	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	88,5	87,2	
35	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao	%	59,5	12,0	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc đến năm 2030)	Trong đó: Năm 2026	Ghi chú
					kỳ 2025 - 2030.
36	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,74	75,1	Theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ.
37	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	80	76	
38	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	40	36	
39	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	50	46	
40	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	100	95	
41	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,77	0,75	
III	VỀ MÔI TRƯỜNG				
42	Tỉ lệ che phủ rừng	%	54,5	54,1	Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
43	Tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	99,5	98,7	
	<i>Trong đó, tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	%	75	67	
44	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	95	93,7	Theo Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27/6/2026 của Chính phủ.
45	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	60	
46	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	30	18,4	
47	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	100	91,44	
48	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả	%	65-70	36	
IV	VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH				Theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh
49	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự	%	80	80	
	<i>Tỉ lệ xã, phường không ma túy</i>	%	<i>Tối thiểu 50%</i>	<i>Tối thiểu 30%</i>	

Số TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc đến năm 2030)	Trong đó: Năm 2026	Ghi chú
50	Tỉ lệ xã, phường có lực lượng dân quân thường trực	%	100	100	Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030.
	<i>Số lượng đường hầm xây dựng mới trong khu vực phòng thủ tỉnh</i>	<i>Đường hầm</i>	<i>3 - 4</i>		

